

TỔNG HỢP THÔNG TIN GIAO DỊCH
TRADING SUMMARY

Ngày: 03/06/2026
Date:

1. Chỉ số chứng khoán
(Indices)

Chỉ số Indices	Đóng cửa Closing value	Tăng/Giảm +/- Change	Thay đổi (%) % Change	GTGD (tỷ đồng) Trading value (bil.dongs)
VNINDEX	1,819.01	-7.46	-0.41	20,562.37
VN30	1,974.60	1.61	0.08	13,015.08
VNMIDCAP	2,133.63	17.94	0.85	6,250.79
VNSMALLCAP	1,358.41	1.78	0.13	723.07
VN100	1,893.09	-1.09	-0.06	19,265.87
VNALLSHARE	1,869.38	-1.24	-0.07	19,988.94
VNXALLSHARE	2,940.89	-1.28	-0.04	20,678.99
VNCOND	2,263.03	11.63	0.52	594.20
VNCONS	675.77	7.06	1.06	924.68
VNE	774.33	9.39	1.23	292.89
VNFN	2,197.34	4.41	0.20	8,829.47
VNHEAL	1,907.04	-5.51	-0.29	22.30
VNIND	910.85	5.32	0.59	2,298.26
VNIT	3,615.34	79.96	2.26	2,209.84
VNMAT	2,165.66	28.14	1.32	818.16
VNREAL	3,027.56	-81.93	-2.63	3,802.41
VNUTI	1,021.39	11.57	1.15	193.73
VNDIAMOND	2,444.73	27.41	1.13	6,722.58
VNFINLEAD	2,847.30	19.69	0.70	8,656.78
VNFINSELECT	2,945.23	5.92	0.20	8,828.94
VNMITECH	877.38	9.75	1.12	5,113.87
VN50 GROWTH	1,054.98	-1.11	-0.11	17,574.13
VNDIVIDEND	977.31	8.57	0.88	4,228.61
VNSHINE	878.59	9.71	1.12	6,517.29
VNSI	3,117.27	1.90	0.06	4,522.56
VNX50	3,316.08	-3.08	-0.09	18,023.46

2. Giao dịch toàn thị trường
(Trading total)

Nội dung Contents	KLGD (ck) Trading vol. (shares)	GTGD (tỷ đồng) Trading val. (bil. Dongs)
Khớp lệnh	665,354,719	16,943
Thỏa thuận	121,449,713	3,702
Tổng	786,804,432	20,645

Top 5 chứng khoán giao dịch trong ngày
(Top volatile stock up to date)

STT No.	Top 5 CP về KLGD Top trading vol.		Top 5 CP tăng giá Top gainer		Top 5 CP giảm giá Top loser	
	Mã CK Code	KLGD (cp) Trading vol. (shares)	Mã CK Code	%	Mã CK Code	%
1	SHB	84,050,049	PIT	7.00%	SMA	-6.86%
2	ACB	60,794,665	C32	6.98%	BKG	-6.79%
3	NVL	57,531,665	TCI	6.96%	TSC	-6.77%
4	HCM	44,521,512	PJT	6.95%	VNE	-6.77%
5	VIX	35,277,217	SVD	6.88%	ST8	-5.72%

Giao dịch của NĐTNN
(Foreigner trading)

Nội dung Contents	Mua Buying	%	Bán Selling	%	Mua-Bán Buying-Selling
----------------------	---------------	---	----------------	---	---------------------------

KLGD (ck) Trading vol. (shares)	68,047,969	8.65%	83,760,433	10.65%	-15,712,464
GTGD (tỷ đồng) Trading val. (bil. Dongs)	2,522	12.22%	3,214	15.57%	-692

**Top 5 Chứng khoán giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài
(Top foreigner trading)**

STT	Top 5 CP về KLGD NĐTNN Top trading vol.		Top 5 CP về GTGD NĐTNN		Top 5 CP về KLGD NĐTNN mua ròng	
	Mã CK	Giá trị	Mã CK	Giá trị	Mã CK	Giá trị
1	ACB	19,656,217	FPT	918,607,377	FPT	740,581,295
2	FPT	11,971,177	VHM	534,583,769	VHM	158,986,552
3	NVL	11,176,271	ACB	505,080,146	VIC	156,308,856
4	MBB	9,302,231	VIC	479,487,277	MBB	123,940,049
5	SHB	7,631,864	MWG	267,067,519	MWG	117,482,499

3. Sự kiện doanh nghiệp

STT	Mã CK	Sự kiện
1	HTI	HTI giao dịch không hưởng quyền - trả cổ tức năm 2025 bằng tiền mặt với tỷ lệ 20%, ngày thanh toán: 16/06/2026.
2	DRC	DRC giao dịch không hưởng quyền - trả cổ tức còn lại từ lợi nhuận năm 2025 bằng tiền mặt với tỷ lệ 5%, ngày thanh toán: 26/06/2026.